

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2026

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	6 - 9
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 24

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		4,398,776,400,070	6,585,602,210,638
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	184,663,512,932	727,992,721,617
1	Tiền	111		184,663,512,932	727,992,721,617
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.2	1,176,137,985,225	2,797,493,937,155
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.2a	1,176,137,985,225	2,797,493,937,155
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,312,562,772,626	1,162,910,669,607
1	Phải thu khách hàng	131		722,257,975,124	691,887,788,410
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	IV.3	722,257,975,124	691,887,788,410
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	-
2	Trả trước cho người bán	132	IV.4	352,014,868,780	314,468,858,694
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Các khoản phải thu khác	136	IV.5	343,783,338,766	257,850,841,800
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	IV.6	(105,493,410,044)	(101,296,819,297)
IV	Hàng tồn kho	140	IV.7	1,035,066,366	903,503,869
1	Hàng tồn kho	141		1,035,066,366	903,503,869
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		298,449,376,511	277,534,751,420
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8a	293,977,827,141	271,284,960,811
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		206,110,175,955	209,513,399,497
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		87,867,651,186	61,771,561,314
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,068,537,958	3,773,159,573
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.9	403,011,412	2,476,631,036
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,425,927,686,410	1,618,766,626,970
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	IV.16a	570,113,185,926	627,269,005,865
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	IV.16a	855,814,500,484	991,497,621,105

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		4,054,488,809,404	1,841,575,915,023
I Các khoản phải thu dài hạn		210		20,192,074,827	19,919,692,054
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc'		213		-	-
4 Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác		216		20,192,074,827	19,919,692,054
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		12,192,074,827	11,919,692,054
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		219		-	-
II Tài sản cố định		220		391,455,159,671	404,503,679,755
1 Tài sản cố định hữu hình		221	IV.9	353,171,472,432	362,245,158,474
Nguyên giá		222		519,919,616,061	518,836,350,531
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(166,748,143,629)	(156,591,192,057)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình		227	IV.10	38,283,687,239	42,258,521,281
Nguyên giá		228		70,296,645,120	70,296,645,120
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(32,012,957,881)	(28,038,123,839)
III Bất động sản đầu tư		230	IV.11	11,836,119,854	12,400,048,274
Nguyên giá		231		22,557,136,380	22,557,136,380
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(10,721,016,526)	(10,157,088,106)
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		29,634,276,710	31,237,338,585
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		29,634,276,710	31,237,338,585
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		3,548,343,725,934	1,342,797,046,506
1 Đầu tư vào công ty con		251	IV.2b	176,400,000,000	176,400,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	IV.2b	14,292,700,000	14,292,700,000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	IV.2b	30,129,400,000	30,129,400,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254	IV.2c	(22,845,398,166)	(24,880,221,662)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	IV.2a	3,350,367,024,100	1,146,855,168,168
VI Tài sản dài hạn khác		260		53,027,452,408	30,718,109,849
1 Chi phí trả trước dài hạn		261	IV.8b	53,010,011,099	30,700,668,540
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		17,441,309	17,441,309
3 Tài sản dài hạn khác		268		-	-
VII Lợi thế thương mại		249			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,453,265,209,474	8,427,178,125,661

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		5,676,811,150,713	5,771,877,003,954
I Nợ ngắn hạn		310		5,676,796,150,713	5,771,862,003,954
1 Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
1 Phải trả người bán ngắn hạn		311	IV.12	820,069,275,872	729,727,401,827
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		777,618,657,126	652,713,561,443
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		42,450,618,746	77,013,840,384
2 Người mua trả tiền trước		312	IV.13	32,770,378,083	14,375,779,210
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.14	45,320,395,121	57,857,878,457
4 Phải trả người lao động		314		144,995,349,232	200,521,382,109
5 Chi phí phải trả ngắn hạn		315		142,048,729	3,432,843,351
6 Phải trả nội bộ		316		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		71,171,466,189	118,103,532,270
7 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		144,415,182,833	153,577,342,804
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.15	145,443,019,852	117,489,519,190
9 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		170,000,000,000	288,000,000,000
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		17,895,706,803	9,551,180,121
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13 Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.16	4,084,573,327,999	4,079,225,144,615
13.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	IV.16a	2,186,437,546,513	2,102,818,424,557
13.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.2	IV.16a	1,657,018,453,777	1,752,500,636,177
13.3 <i>Dự phòng giao động lớn</i>		329.3	IV.16b	241,117,327,709	223,906,083,881
II Nợ dài hạn		330		15,000,000	15,000,000
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác		337	IV.17	15,000,000	15,000,000
4 Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn				-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	2,776,454,058,761	2,655,301,121,707
I Vốn chủ sở hữu	IV.18	410	2,776,454,058,761	2,655,301,121,707
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b	-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần		412	425,978,852,804	425,978,852,804
3 Vốn khác của chủ sở hữu		413	-	-
4 Cổ phiếu quỹ		414	-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415	-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	-	-
3 Quỹ đầu tư phát triển		418	28,642,118,155	28,642,118,155
4 Quỹ dự trữ bắt buộc		419	94,459,326,499	94,459,326,499
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420	-	-
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	1,021,452,471,303	900,299,534,249
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a	891,907,047,567	634,613,595,675
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	129,545,423,736	265,685,938,574
II Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	8,453,265,209,474	8,427,178,125,661

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		108,254,117,816	110,858,015,198
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1,183,718.85	300,855.09
Euro (EUR)		60,401.92	32,369.77
Bảng Anh (£)		1,848.67	1,851.97

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp



Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	V.1	1,779,757,044,522	1,654,732,590,465
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		2,238,818,181	1,318,027,272
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	98,640,221,060	127,442,192,074
4. Thu nhập khác	13		837,213,214	5,304,100,228
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		1,650,633,946,181	1,457,072,980,518
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		80,719,697	56,316,068
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	11,656,615,865	74,654,503,565
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	V.4	54,419,975,358	60,425,800,083
9. Chi phí khác	24		1,987,539,103	2,435,694,351
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		162,694,500,774	194,151,615,454
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		33,149,077,038	39,064,653,823
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		129,545,423,736	155,086,961,631
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Đơn vị: VND)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

				Đơn vị tính: VND	
				Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết m	Quý II.2026	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	955,117,263,160	2,152,351,199,264	2,078,168,192,630
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		885,991,633,076	2,215,744,029,863	1,944,329,841,758
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		24,075,724,108	20,226,291,357	49,170,443,982
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(45,049,905,976)	83,619,121,956	(84,667,906,890)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		313,052,603,424	572,001,758,448	648,165,458,965
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		254,612,467,205	514,845,938,509	611,658,169,417
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(58,440,136,219)	(57,155,819,939)	(36,507,289,548)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		642,064,659,736	1,580,349,440,816	1,430,002,733,665
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		149,488,735,912	199,407,603,706	224,729,856,800
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		83,246,160,321	122,346,439,054	154,461,706,697
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		66,242,575,591	77,061,164,652	70,268,150,103
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		791,553,395,648	1,779,757,044,522	1,654,732,590,465
6. Chi bồi thường	11		465,549,639,431	955,851,732,442	902,601,358,893
- Tổng chi bồi thường	11.1		464,115,103,591	964,614,755,803	911,504,510,122
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		(1,434,535,840)	8,763,023,361	8,903,151,229
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		122,470,448,578	310,358,834,506	238,357,944,960

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết m	Quý II.2026	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(22,461,551,486)	(95,482,182,400)	(168,933,731,606)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(65,169,676,205)	(135,683,120,621)	120,477,013,368
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		370,676,383,763	685,693,836,157	374,832,668,959
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		8,455,037,591	17,211,243,828	13,801,847,914
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		408,496,470,346	947,728,866,196	1,068,438,463,645
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		102,663,861,968	209,197,805,285	214,621,245,996
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		305,832,608,378	738,531,060,911	853,817,217,649
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		787,627,891,700	1,650,633,946,181	1,457,072,980,518
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		92,792,867,402	129,123,098,341	197,659,609,947
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		1,169,318,181	2,238,818,181	1,318,027,272
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		40,359,849	80,719,697	56,316,068
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		1,128,958,332	2,158,098,484	1,261,711,204
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	23,060,742,732	98,640,221,060	127,442,192,074
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	4,636,974,553	11,656,615,865	74,654,503,565
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		18,423,768,179	86,983,605,195	52,787,688,509
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.4	28,875,690,253	54,419,975,358	60,425,800,083
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		83,469,903,661	163,844,826,663	191,283,209,577

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

[Handwritten signature]

2/12

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Yến

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		162,694,500,774	194,151,615,454
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		14,695,714,034	15,089,269,403
- Các khoản dự phòng	03		200,348,891,195	(330,388,239,204)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	3,885,453,560
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(74,465,638,056)	(183,668,855,187)
- Chi phí lãi vay	06		7,826,063,015	6,669,861,681
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		311,099,530,962	(294,260,894,293)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(115,374,979,435)	(96,651,170,411)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(131,562,497)	45,549,606
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1,237,333,680	281,563,402,826
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(45,002,208,889)	31,273,491,395
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(64,012,837,018)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,777,806,851)	(6,536,619,216)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(33,589,542,173)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8,344,526,682	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		152,394,833,652	(182,168,619,284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,083,265,530)	(12,381,991,831)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	6,610,749,999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,522,774,904,002)	(3,664,041,030,140)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		940,619,000,000	3,976,306,301,127
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	0
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,673,775,169	166,604,647,869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(577,565,394,363)	473,098,677,024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		170,000,000,000	295,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(288,000,000,000)	(301,659,453,071)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(158,647,974)	(65,283,315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(118,158,647,974)	-6724736386
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(543,329,208,685)	284,205,321,354
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	727,992,721,617	27,428,247,745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(563,903,533)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	184,663,512,932	311,069,665,566

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc

**Hoàng Thị Yến**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	184,663,512,932	727,992,721,617
Cộng	184,663,512,932	727,992,721,617

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,526,505,009,325	4,526,505,009,325	3,944,349,105,323	3,944,349,105,323
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1,176,137,985,225</i>	<i>1,176,137,985,225</i>	<i>2,797,493,937,155</i>	<i>2,797,493,937,155</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	1,176,137,985,225	1,176,137,985,225	2,486,756,985,225	2,486,756,985,225
Đầu tư trái phiếu	-	-	310,736,951,930	310,736,951,930
<i>Dài hạn</i>	<i>3,350,367,024,100</i>	<i>3,350,367,024,100</i>	<i>1,146,855,168,168</i>	<i>1,146,855,168,168</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	2,657,000,000,000	2,657,000,000,000	402,000,000,000	402,000,000,000
Đầu tư trái phiếu	693,367,024,100	693,367,024,100	744,855,168,168	744,855,168,168
Cộng	4,526,505,009,325	4,526,505,009,325	3,944,349,105,323	3,944,349,105,323

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	176,400,000,000	7,845,398,166	176,400,000,000	9,880,221,662
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	176,400,000,000	7,845,398,166	176,400,000,000	9,880,221,662
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Công ty Cổ phần Kasati	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,129,400,000	15,000,000,000	30,129,400,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	220,822,100,000	22,845,398,166	220,822,100,000	24,880,221,662

2c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24,880,221,662	24,619,974,531
Trích lập dự phòng bổ sung	-	260,247,131
Hoàn nhập dự phòng	(2,034,823,496)	-
Số cuối kỳ	22,845,398,166	24,880,221,662

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	540,588,999,674	297,527,642,272
Phải thu về tái bảo hiểm	181,668,975,450	394,360,146,138
Cộng	722,257,975,124	691,887,788,410

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	308,329,071,260	292,090,929,376
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	19,423,478,123	5,221,465,217
Trả trước cho nhà cung cấp khác	24,262,319,397	17,156,464,101
Cộng	352,014,868,780	314,468,858,694

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi dự thu hoạt động tài chính	216,905,909,757	148,114,046,870
Các khoản phải thu khác	99,369,795,981	81,451,241,411
Tạm ứng kinh doanh	27,502,633,028	19,273,253,519
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	9,012,300,000
Cộng	343,783,338,766	257,850,841,800

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	105,493,410,044	101,296,819,297
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	3,603,262,672	1,063,408,399
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1,881,900,628	1,141,522,122
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1,684,763,928	1,397,893,540
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	98,323,482,816	97,693,995,235
Cộng	105,493,410,044	101,296,819,297

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	101,296,819,297	97,747,578,040
Trích lập dự phòng bổ sung	4,196,590,747	3,549,241,257
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	105,493,410,044	101,296,819,297

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	619,577,462	672,487,030
Công cụ, dụng cụ	415,488,904	231,016,839
Cộng	1,035,066,366	903,503,869

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	206,110,175,955	209,513,399,497
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ	86,847,651,188	50,542,562,039
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,019,999,998	11,228,999,275
Cộng	293,977,827,141	271,284,960,811

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	209,513,399,497	242,815,443,918
Số phát sinh trong kỳ	205,794,581,743	381,287,265,961
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(209,197,805,285)	(414,589,310,382)
Số dư cuối kỳ	206,110,175,955	209,513,399,497

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	1,940,341,418	388,248,756
Chi phí thuê nhà	1,837,699,598	31,000,000
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	18,193,952,342	15,748,142,156
Các khoản chi phí khác	31,038,017,741	14,533,277,628
Cộng	53,010,011,099	30,700,668,540

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	369,088,592,339	67,753,984,418	81,993,773,774	518,836,350,531
Tăng trong kỳ	-	-	1,083,265,530	1,083,265,530
Phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	369,088,592,339	67,753,984,418	83,077,039,304	519,919,616,061
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	54,690,354,657	45,531,793,441	56,369,043,959	156,591,192,057
Tăng trong kỳ	4,285,650,756	2,538,510,776	3,332,790,040	10,156,951,572
Phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	58,976,005,413	48,070,304,217	59,701,833,999	166,748,143,629
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314,398,237,682	22,222,190,977	25,624,729,815	362,245,158,474
Số cuối kỳ	310,112,586,926	19,683,680,201	23,375,205,305	353,171,472,432

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	28,038,123,839	28,038,123,839
Khấu hao trong kỳ	-	3,974,834,042	3,974,834,042
Số cuối kỳ	-	32,012,957,881	32,012,957,881
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27,564,441,158	14,694,080,123	42,258,521,281
Số cuối kỳ	27,564,441,158	10,719,246,081	38,283,687,239

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	22,557,136,380	22,557,136,380
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ		22,557,136,380	22,557,136,380
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10,157,088,106	10,157,088,106
Khấu hao trong kỳ	-	563,928,420	563,928,420
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ		10,721,016,526	10,721,016,526
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	12,400,048,274	12,400,048,274
Số cuối kỳ	-	11,836,119,854	11,836,119,854

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	300,501,102,805	225,774,938,872
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	458,359,606,427	400,720,854,266
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	18,695,575,167	26,217,768,305
Phải trả cho nhà cung cấp khác	42,512,991,473	77,013,840,384
Cộng	820,069,275,872	729,727,401,827

13. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	24,080,908,263	32,966,911,948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,188,403,268	18,418,138,963
Thuế thu nhập cá nhân	3,046,736,572	6,472,827,546
Các loại thuế khác	4,347,018	-
Cộng	45,320,395,121	57,857,878,457

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ,

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	162,694,500,774	194,151,615,454
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	3,050,884,416	1,171,653,660
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	3,321,353,660
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đã loại trừ chi phí năm trước"</i>	-	-2,149,700,000
Thu nhập chịu thuế	165,745,385,190	-
Thu nhập tính thuế	165,745,385,190	195,323,269,114
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	33,149,077,038	39,064,653,823
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	33,149,077,038	39,064,653,823
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	33,149,077,038	39,064,653,823

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, KPCĐ	7,140,356,666	9,519,133,164
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,824,933,692	8,983,581,666
Thuế nhà thầu tạm giữ	350,163,908	
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	9,728,818,779	10,016,848,651
Các khoản phải trả khác	144,616,681,223	88,969,955,709
Cộng	145,443,019,852	117,489,519,190

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Dự phòng nghiệp vụ

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
16a, Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
<i>1, Dự phòng bồi thường</i>	1,657,018,453,777	855,814,500,484	801,203,953,293	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,576,157,468,803	825,396,358,413	750,761,110,390	1,677,969,700,183	957,259,150,955	720,710,549,228
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	80,860,984,974	30,418,142,071	50,442,842,903	74,530,935,994	34,238,470,150	40,292,465,844
<i>2, Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	2,186,437,546,513	570,113,185,926	1,616,324,360,587	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692
Cộng	3,843,456,000,290	1,425,927,686,410	2,417,528,313,880	3,855,319,060,734	1,618,766,626,970	2,236,552,433,764
<i>Trong đó chi tiết:</i>						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu kỳ	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168
Số trích lập trong kỳ	(95,482,182,400)	(135,683,120,621)	40,200,938,221	(190,294,556,795)	(5,746,500,699)	(184,548,056,096)
Số dư cuối kỳ	1,657,018,453,777	855,814,500,484	801,203,953,293	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu kỳ	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898
Số trích lập trong kỳ	83,619,121,956	(57,155,819,939)	140,774,941,895	(181,648,020,665)	(38,429,920,459)	(143,218,100,206)
Số dư cuối kỳ	2,186,437,546,513	570,113,185,926	1,616,324,360,587	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16b, Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ	223,906,083,881	196,589,751,521
Số trích lập thêm trong kỳ	17,211,243,828	27,316,332,360
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	241,117,327,709	223,906,083,881

17. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	650,556,826,316	2,391,494,796,275
Tăng vốn chủ sở hữu	401,964,200,000	(401,964,200,000)	-	-	-	-
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	279,749,556,073	279,749,556,073
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	-	14,063,617,499	(14,063,617,499)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9,565,938,386)	(9,565,938,386)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(6,377,292,257)	(6,377,292,257)
Số dư cuối kỳ trước	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	900,299,534,249	2,655,301,121,707
Số dư đầu kỳ	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	901,822,328,159	2,655,301,121,707
Tăng vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	129,545,423,736	129,545,423,736
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(8,392,486,682)	(8,392,486,682)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	1,021,452,471,303	2,776,454,058,761

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120,592,129	120,592,129
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120,592,129	120,592,129

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	2,177,961,997,322	1,956,831,781,677
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	37,782,032,541	-12,501,939,919
Phí nhận tái bảo hiểm	20,226,291,357	49,170,443,982
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	-	-
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(83,619,121,956)	84,667,906,890
Doanh thu thuần	2,152,351,199,264	2,078,168,192,630

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	74,403,898,056	66,012,297,720
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	317,873,352	1,361,698,690
Lãi kinh doanh trái phiếu, đầu tư khác	23,352,786,547	55,973,093,829
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61,740,000	2,149,700,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	503,923,105	1,755,642,940
Các khoản khác	-	189,758,895
Cộng	98,640,221,060	127,442,192,074

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7,826,063,015	6,669,861,681
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,545,445,974	4,837,130,329
Chi phí kinh doanh chứng khoán, đầu tư khác	3,317,736,815	68,624,160,355
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2,034,823,496)	(5,845,445,313)
Chi phí khác	2,193,557	368,796,512
Cộng	11,656,615,865	74,654,503,565

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9,973,640,342	11,642,034,867
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390,841,656	10,883,848,882
Chi phí dụng cụ quản lý	2,173,830,828	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,547,877,471	11,093,076,565
Thuế, phí và lệ phí	14,012,791,541	158,874,124
Chi phí dự phòng	4,196,590,747	(718,545,971)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,619,262,017	23,333,459,793
Chi phí khác bằng tiền	2,505,140,755	4,033,051,823
Cộng	54,419,975,358	60,425,800,083

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất,

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến